TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2019/DS-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2018/TLST–DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST–DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: Đường K, Phường E, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L (Văn bản ủy quyền số 1239/2019/UQ-TTT ngày 10/7/2019).

2. Bị đơn: Ông Hồ Thành T1; địa chỉ: Đường T2, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu N; địa chỉ: Đường T2, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 12/12/2015, ông Hồ Thành T1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng (Sau đây gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ hợp đồng trên, Ngân hàng đã phát hành cho ông T1 02 thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-5066, lãi suất 2.15%/tháng và JCB Moto Card Classic 356480-9874, lãi suất 2.50%/tháng, hạn mức tín dụng là 30.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 570.750.000đ, trong đó: Thẻ Visa Credit Classic 472074-5066 là 568.500.000đ và thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874 là 2.250.000đ. Ông T1 đã thanh toán được một phần sao kê, đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-5066 là 544.006.000đ và thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874 là 1.004.000đ, còn nợ lại Ngân hàng số tiền 38.978.799đ, trong đó nợ gốc 34.161.102đ gồm của thẻ Visa Credit Classic 472074-5066 là 32.262.508đ và thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874 là 1.898.594đ và lãi quá hạn tính đến ngày 10/7/2018 là 4.817.697đ gồm của thẻ Visa Credit Classic 472074-5066 là 4.578.024đ và thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874 là 239.673đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 không thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-5066 từ ngày 01/3/2018 và thẻ Visa Credit Classic 472074-5066 từ ngày 01/4/2018.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán hết số nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Nguyễn Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ, bao gồm:

- Đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-5066, nợ gốc: 32.262.508đ và lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2019 là: 18.450.824đ;

- Đối với thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874, nợ gốc: 1.898.594đ và lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2019 là: 1.188.873đ;

Tổng cộng: 53.800.799đ, gồm nợ gốc: 34.161.102đ và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/8/2019 là 19.639.697đ. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2019 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký ngày 12/12/2015 giữa các bên, ông Hồ Thành T1 đã cung cấp thông tin người có quan hệ hôn nhân là bà Lê Thị Thu N. Ngày 18/7/2018, nguyên đơn có đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông T1. Việc giải quyết yêu cầu này của đương sự cần phải đưa bà Lê Thị Thu N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Ngày 12/12/2015, Ngân hàng TMCP S và ông Hồ Thành T1 đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức: 30.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ông T1 được cấp 02 thẻ tín dụng gồm:

- Thẻ Visa Credit Classic 472074-5066, căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank thì lãi suất áp dụng là 2.15%/tháng;

- Thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874, căn cứ Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 về thay đổi lãi suất thẻ tín dụng Family thì lãi suất áp dụng là lãi suất 2.50%/tháng;

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2015 và tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đã đủ cơ sở xác định ông T1 đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện nhiều giao dịch và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh là phù hợp với thỏa thuận đã quy định tại Điều 2, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng ngày 12/12/2015 và các thông báo thay đổi lãi suất thẻ tín dụng số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011; số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 của Ngân hàng.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi, cụ thể:

- Đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-5066, nợ gốc: 32.262.508đ và lãi quá hạn là: 18.450.824đ;

- Đối với thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874, nợ gốc: 1.898.594đ và lãi quá hạn là: 1.188.873đ;

Tổng cộng: 53.800.799đ, gồm nợ gốc: 34.161.102đ và lãi quá hạn là 19.639.697đ.

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ 15/8/2019 cho đến khi trả xong dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T1 vắng mặt không lý do chính đáng, cũng không đưa ra phản hồi hay chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông T1 phải chịu hậu quả pháp lý đối với sự vắng mặt của mình.

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2015, ông T1 vay với mục đích tiêu dùng cá nhân; do đó không có cơ sở buộc bà Lê Thị Thu N có trách nhiệm thanh toán cùng với ông T1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 280; 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Hồ Thành T1.

2. Buộc ông Hồ Thành Tín phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ:

- Đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-5066, nợ gốc: 32.262.508đ *(Ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm lẻ tám đồng)* và lãi quá hạn là: 18.450.824đ *(Mười tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng)*;

- Đối với thẻ JCB Moto Card Classic 356480-9874, nợ gốc: 1.898.594đ *(Một triệu tám trăm chín mươi tám ngàn năm trăm chín mươi bốn đồng)* và lãi quá hạn là: 1.188.873đ *(Một triệu một trăm tám mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng)*;

Tổng cộng: 53.800.799đ *(Năm mươi ba triệu tám trăm ngàn bảy trăm chín mươi chín đồng)*, gồm nợ gốc: 34.161.102đ *(Ba mươi bốn triệu một trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm lẻ hai đồng)* và lãi quá hạn là 19.639.697đ *(Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng)*.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Ông Hồ Thành T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ 15/8/2019 theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S và Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 về thay đổi lãi suất thẻ tín dụng Family của Ngân hàng TMCP S kèm theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2015 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thành T1 phải chịu 2.690.040đ *(Hai triệu sáu trăm chín mươi ngàn không trăm bốn mươi đồng).*

5. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 974.470đ *(Chín trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi đồng)* theo Biên lai thu số 0008792 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.